

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA VŨNG TÀU**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: **23/2023/HN-ST**

Ngày: 23/3/2023

V/v: “*Ly hôn và tranh chấp về
nuôi con chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Chu Thị Thanh Tâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Tuyết Hồng

2. Bà Lê Thị Quỳnh Nga

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên toà:
Bà Võ Thị Như Diễm – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa nhân dân thành phố Bà Rịa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 404/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022, về việc “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 13/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1989, địa chỉ: Tổ 1, khu phố 5, phường Long Toàn, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

2. Bị đơn: Ông Bùi Ngọc T, sinh năm 1983, địa chỉ: Tổ 1, khu phố 5, phường Long Toàn, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2022, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị B trình bày:

Bà và ông Bùi Ngọc T chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn cùng năm tại Ủy ban nhân dân xã Lai Vu, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn vì ông T thường đi nhậu về là đánh đập, chửi bới bà. Vì thương con nên bà đã nhẫn nhịn chịu đựng nhưng ông T ngày càng quá quắt. Nay bà B xét thấy không thể tiếp tục cuộc sống chung nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà B xác định có 02 (hai) con chung tên Bùi Ngọc Bích H, sinh ngày 13/01/2010 và Bùi Nguyễn Nhật P, sinh ngày 08/4/2013. Bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung vì bà tự nhận thấy đủ khả năng nuôi cả hai con, không muốn chia cắt các con và từ trước đến nay, ông T đều chỉ lo nhậu nhẹt, không có trách nhiệm với con. Trường hợp nuôi cả hai con, bà không yêu cầu ông T cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình làm việc và tại Tòa, ông Bùi Ngọc T trình bày:

Ông và bà Nguyễn Thị B chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lai Vu, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

Quá trình chung sống, thời gian đầu, vợ chồng chung sống tại Hải Dương, sau đó chuyển về sống cùng gia đình ông tại phường Long Toàn, thành phố Bà Rịa. Ông T thừa nhận trong lúc nóng nảy, ông có la mắng, bạt tai bà B do bà B không biết thu vén nhà cửa, khi chồng góp ý còn cãi lại. Mỗi lần vợ chồng giận nhau, bà B còn thường hay bỏ nhà đi. Ông T xác định giữa vợ chồng không có sự cảm thông, chia sẻ, thấu hiểu nên cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Do đó, ông đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà B.

Về con chung: Ông T xác định có 02 (hai) con chung tên Bùi Ngọc Bích H, sinh ngày 13/01/2010 và Bùi Nguyễn Nhật P, sinh ngày 08/4/2013. Ông T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhật P, nhường quyền nuôi cháu Bích H cho bà B vì cháu là con gái nên ở với mẹ sẽ phù hợp hơn, hai bên không ai phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, các đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến, không hòa giải được.

Ý kiến của kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng trình tự thủ tục và các quy định theo Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên, bị đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung:

+ Về hôn nhân: Bà B và ông T thống nhất ly hôn nên đề nghị ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà B và ông T.

+ Về con chung: Xét nguyện vọng của các con chung và việc các cháu đều còn nhỏ, cần sự chăm sóc của mẹ và từ trước đến nay vẫn do bà B chăm sóc, nuôi dạy nên đề nghị giao cả hai con chung cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng. Bà B không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên không xem xét.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không ai yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền thụ lý: Ngày 24/10/2022, bà Nguyễn Thị B có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với ông Bùi Ngọc T; bị đơn có nơi cư trú tại thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên xác định đây là vụ án hôn nhân gia đình về “tranh chấp ly hôn và con chung”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị B và ông Bùi Ngọc T chung sống với nhau từ năm 2008, có đăng ký kết hôn ngày 28/11/2008 theo Trích lục kết hôn do UBND xã Lai Vu, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương cấp; hôn nhân trên cơ sở tự nguyện nên xác định là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống, bà B và ông T đều xác định vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và không thể hóa giải được. Do đó, bà B yêu cầu ly hôn, ông T đồng ý ly hôn.

Từ đó xác định mâu thuẫn giữa bà B và ông T là có thật, không thể hàn gắn và khắc phục, mục đích hôn nhân không đạt được. Đối chiếu quy định tại Điều 19, Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình, ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà B và ông T.

[2.2] Về con chung:

Theo sự xác nhận của các đương sự, bà B và ông T có 02 (hai) con chung tên Bùi Ngọc Bích H, sinh ngày 13/01/2010 và Bùi Nguyễn Nhật P, sinh ngày 08/4/2013, phù hợp với chứng cứ là Giấy khai sinh số 22, quyển số 01/2010 do UBND phường Long Toàn, thành phố Bà Rịa cấp ngày 29/01/2010 và Giấy khai sinh số 92, quyển số 01/2013 do UBND phường Long Toàn, thành phố Bà Rịa cấp ngày 26/4/2013.

Bà B có nguyện vọng trực tiếp nuôi cả hai con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Ông T có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nhật P, nhường quyền trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bích H cho bà B, hai bên không cấp dưỡng cho con.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Cháu Bích H là con gái còn cháu Nhật P còn nhỏ, các cháu đều đang trong độ tuổi cần sự chăm sóc của mẹ. Qua tìm hiểu tâm tư, nguyện vọng, các cháu đều có nguyện vọng trực tiếp ở với mẹ do mẹ cháu chăm sóc cháu tốt hơn. Tôn trọng ý kiến, quan điểm riêng của con chung và xét thấy việc bố mẹ ly hôn đã là sự thiệt thòi cho các cháu nên để tránh chia cắt về mặt tình cảm giữa hai chị em, giao cả hai con chung cho bà B trực tiếp nuôi dưỡng.

Về vấn đề cấp dưỡng, bà B không yêu cầu ông T cấp dưỡng, ông T không có ý kiến gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà B phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 28, 35, 39, 147, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Các điều 19, 51, 55, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 hướng dẫn mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị B.

1. Về hôn nhân: Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Nguyễn Thị B và ông Bùi Ngọc T.

2. Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Bùi Ngọc Bích H, sinh ngày 13/01/2010 và Bùi Nguyễn Nhật P, sinh ngày 08/4/2013.

Giao cả hai con chung cho bà Nguyễn Thị B trực tiếp nuôi dưỡng, ông Bùi Ngọc T không phải cấp dưỡng cho con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trên cơ sở lợi ích của con, trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 điều 84 Luật hôn nhân gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không ai yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị B phải nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004892 ngày 31/10/2022 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Bà Rịa. Như vậy, bà B đã thi hành xong án phí.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày tính từ ngày tuyên án (23/3/2023) để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa -Vũng Tàu xét xử phúc thẩm.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Bà Rịa;
- TAND Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- THADS thành phố Bà Rịa;
- UBND X.Lai Vu, H.Kim Thành, tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thị Thanh Tâm

